

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2021
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H3, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Trung H1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn H3, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Thị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Lê Trung H1 từ tháng 02 năm 2000. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên

cuối năm 2006 anh chị sống ly thân; chị về thành phố Hải Phòng sống và làm việc, giữa chị và anh H1 không quan tâm đến nhau, nhưng do anh H1 theo Đạo, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tháng 9 năm 2012 chị quen biết anh Bùi Văn L cư trú tại xã T, huyện K, qua tìm hiểu chị biết tháng 8 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện K đã giải quyết ly hôn cho anh L và chị Nguyễn Thị L1 (người cùng xã anh L). Vì đồng cảm, nên chị và anh L thương yêu nhau rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2012 tại gia đình anh L thuộc thôn N, xã T, huyện K. Ngày 01/12/2019 chị sinh con trai tại Trung tâm y tế huyện K, dự định đặt tên Bùi Trần P. Do chị có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị với anh Lê Trung H1, nên chưa được đăng ký khai sinh cho con chung của chị với anh L. Nay chị yêu cầu Tòa án xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị sinh ra ngày 01/12/2019 để quyền lợi của cháu được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 24 tháng 5 năm 2021 bị đơn Bùi Văn L trình bày thống nhất với chị H về toàn bộ nội dung nêu trên. Ngoài ra anh khai: Do chị H có con chung với anh trong thời gian chị H và anh H1 đang là vợ chồng hợp pháp (chưa ly hôn) nên không đăng ký khai sinh cho con chung của anh với chị H được. Nay chị H yêu cầu Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị H sinh ra ngày 01/12/2019; anh đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Trung H1 trình bày lời khai ngày 27/8/2021 với Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa và gửi bản khai đến Tòa án nhân dân huyện K phù hợp với lời khai của chị Trần Thị H. Ngoài ra anh khai: Anh và chị H sống ly thân từ cuối năm 2006 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị H yêu cầu Tòa án xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị H sinh ra ngày 01/12/2019; anh đồng ý và không ý kiến thắc mắc gì. Anh không yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết về sự việc chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng, trong khi anh và chị H đang là vợ chồng hợp pháp (chưa ly hôn).

Tuy nhiên anh H1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; lý do anh ở quá xa, không sắp xếp được thời gian để có mặt. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên. Anh L giữ nguyên nội dung đã trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Cả hai anh chị đều đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị H sinh ra ngày 01/12/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cơ bản chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 88, 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H, xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị Trần Thị H sinh ra ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Về án phí: Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “tranh chấp về xác định cha cho con” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại thôn N, xã T, huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Trung H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trên cơ sở lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án xác định chị Trần Thị H và anh Bùi Văn L chung sống với nhau, sinh ra cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P. Tại Kết quả xét nghiệm ADN số KQ 20364121 ngày 24/4/2021 của Công ty TNHH Dịch vụ Khoa

học Kỹ thuật GENPRO kết luận: Anh Bùi Văn L và cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P có quan hệ huyết thống cha - con. Như vậy lời khai của chị H và anh L phù hợp với nhau, phù hợp với Kết luận xét nghiệm ADN số KQ 20364121 ngày 23/4/2021 của Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật Genpro, nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị H sinh ra ngày 01/12/2019 theo quy định tại Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Trần Thị H được chấp nhận, nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mà anh Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 88, Điều 89; khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H:

1. Xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên Bùi Trần P do chị Trần Thị H sinh ra ngày 01/12/2019.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Bùi Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T; huyện K;
- UBND xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Diệu